

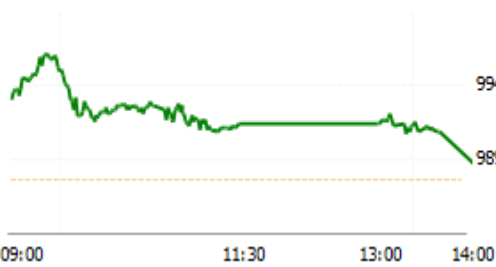
## Dữ liệu thị trường ngày 02/04/2019

Tổng quan	VN-Index	HNX-Index
Chỉ số	<b>985.81</b>	<b>107.48</b>
Thay đổi (điểm)	- 2.72	- 0.24
Thay đổi (%)	- 0.28%	- 0.22%
KLGD (triệu ck)	236.02	29.28
GTGD (tỷ đồng)	4,934.41	409.88

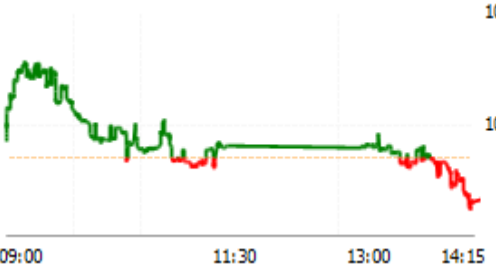
## NĐT nước ngoài giao dịch ròng

VN-Index	124.15	(tỷ đồng)
HNX-Index	4.72	(tỷ đồng)
UPCOM-Index	12.24	(tỷ đồng)

## VN-Index



## HNX-Index



## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Chỉ số VNINDEX vào phiên sáng khi mở cửa tăng mạnh nhờ hưởng ứng đà tăng của Dowjones tối trước đó, nhưng lực bán từ phiên chiều, đặc biệt nhóm dầu khí đã thu hẹp đà tăng so với phiên sáng, đóng cửa VNINDEX đạt 985.8 điểm (- 2.7 điểm).
- Các cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm nhiều nhất là VNM (+ 0.40 điểm), GAS (+ 0.30 điểm), HPG (+ 0.15 điểm), TCH (+ 0.85 điểm) và NVL (+ 0.30 điểm).
- Các cổ phiếu tác động chỉ số giảm điểm chiếm áp đảo gồm BID (- 0.30 điểm), SAB (- 1.80 điểm), VCB (- 0.20 điểm), CTG (- 0.25 điểm) và PLX (- 0.40 điểm).
- Giá trị giao dịch trên sàn VNINDEX tăng mạnh, trong đó hơn 43% đến từ giao dịch thỏa thuận. Đóng cửa VNINDEX giảm 2.72 điểm, số mã tăng/giảm đạt **142/150**.
- Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa đạt 985.81 điểm, khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và HNX-Index đóng cửa đạt 107.48 điểm.
- Khối ngoại hôm nay tiếp tục mua ròng trên HOSE, giá trị mua ròng tăng mạnh so với phiên trước, đạt 124.15 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại mua ròng tăng so với phiên trước, đạt 4.72 tỷ đồng. *(thống kê giao dịch khối ngoại chi tiết tại trang 5).*

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG TÓM TẮT

VNINDEX tăng mạnh trong phiên sáng vượt mốc Fibonacci 50% tương ứng với 989 điểm, tuy nhiên lực bán mạnh vào phiên chiều, đặc biệt ở nhóm dầu khí đã thu hẹp đà tăng so với phiên sáng đã tác động đến chỉ số VNINDEX.

### Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Thị trường chứng khoán Châu Á tiếp tục có một phiên tăng điểm vào ngày giao dịch thứ 3 khi các chỉ số đóng cửa hầu hết tăng điểm. Mức tăng điểm có phần thấp hơn sau phiên tăng mạnh vào ngày giao dịch đầu tuần, thể hiện tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư lúc này. Nhìn chung, những thông tin tích cực từ dữ liệu kinh tế Trung Quốc đã được phản ánh vào mức tăng của thị trường chứng khoán toàn cầu.

Giá dầu Crude Oil đóng cửa giao dịch ngày thứ 2 đạt mức 61.79 USD/thùng (+ 0.06 USD/thùng).

### 109 Kịch bản nào cho thị trường (Chi tiết nhận định và tham khảo đồ thị trang 2-3)

VNINDEX hôm nay tăng mạnh từ đầu phiên, càng về phiên chiều lực bán càng tăng lên. Nhóm dầu khí tăng rất mạnh vào phiên sáng thì đến lúc đóng cửa, mức tăng thu hẹp dần; từ đó đã ảnh hưởng lên chỉ số. Nếu nhìn qua các thị trường Châu Á trong phiên hôm nay, các chỉ số trong khu vực đều có một giao dịch khá tương đồng là tăng mạnh lúc mở cửa, nhưng đóng cửa thu hẹp đà tăng, do tâm lý thận trọng nên đã chốt bớt dần danh mục.

VNINDEX trong phiên hôm nay đã vượt Fibonacci 50% trong phiên. Tuy nhiên, mức đó cửa nằm dưới đường Fibonacci này, tương ứng với 989.9 điểm. Nhìn chung, nếu chưa có thông tin xấu diễn ra, thị trường sẽ tiếp tục giao dịch đi ngang và biến động trong biên độ hẹp, chúng tôi nâng mục tiêu tối đa trong mức này VNINDEX có thể đạt được là khoảng 996 điểm, tương ứng mức Fibonacci 61.8%. Mặt khác, nếu VNINDEX thủng 980, thị trường sẽ rơi vào nhịp điều chỉnh như những phiên trước chúng tôi đã nhận định.

### Hành động:

Chúng tôi tiếp tục nhấn mạnh đề xuất nắm giữ danh mục với tỷ trọng tiền mặt lớn, thị trường vẫn đang trong giai đoạn đi ngang và chờ đợi các tin tức. Do đó, tránh mua đuổi giá vào những mã tăng nóng trong những nhịp này, vì rủi ro T+3 cổ phiếu chưa về thì có thể gặp phải thị trường giảm sâu.

## PHÒNG PHÂN TÍCH-ĐẦU TƯ

Địa chỉ: 468 Nguyễn Thị Minh Khai P2 Q3

TP Hồ Chí Minh

Tel: 84 28 38336333

Ext: 171

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



### Một vài thông tin vĩ mô đáng quan tâm và dự báo:

Thị trường chứng khoán Châu Á tiếp tục có một phiên tăng điểm vào ngày giao dịch thứ 3 khi các chỉ số đóng cửa hầu hết tăng điểm. Mức tăng điểm có phần thấp hơn sau phiên tăng mạnh vào ngày giao dịch đầu tuần, thể hiện tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư lúc này. Nhìn chung, những thông tin tích cực từ dữ liệu kinh tế Trung Quốc đã được phản ánh vào mức tăng của thị trường chứng khoán toàn cầu. Song, một thỏa thuận chính thức giữa Mỹ - Trung Quốc hiện tại vẫn chưa được ký kết, trong thời gian đó mức thuế suất 10% lên 200 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc vẫn còn đó, và vẫn tiếp tục tác động lên nền kinh tế Trung Quốc đến khi nào mức thuế suất này được dỡ bỏ.

Một khảo sát của Reuters cho thấy sản lượng dầu của OPEC giảm xuống mức thấp nhất 4 năm trong tháng 3/2019, do nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới Saudi Arabia cắt giảm sản lượng nhiều hơn phần phân bổ trong thỏa thuận OPEC, trong khi sản lượng của Venezuela giảm tiếp do các lệnh trừng phạt và mất điện. Giá dầu Crude Oil đóng cửa giao dịch ngày thứ 2 đạt mức 61.79 USD/thùng (+ 0.06 USD/thùng). Đến 17h chiều (theo giờ Việt Nam) giá dầu đang giao dịch trên thị trường tương lai tiếp tục tăng thêm 0.41 USD/thùng.

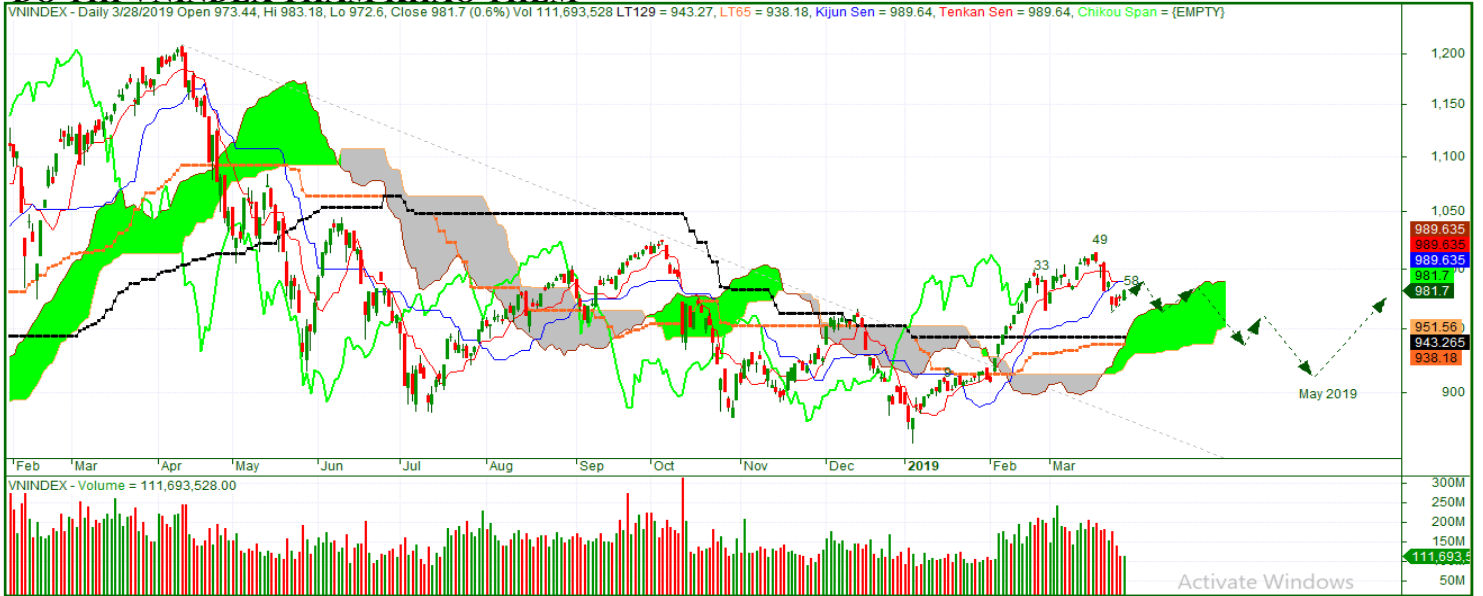
### Kịch bản nào cho thị trường (tham khảo thêm đồ thị trang 3)

VNINDEX hôm nay tăng mạnh từ đầu phiên, càng về phiên chiều lực bán càng tăng lên. Nhóm dầu khí tăng rất mạnh vào phiên sáng thì đến lúc đóng cửa, mức tăng thu hẹp dần; từ đó đã ảnh hưởng lên chỉ số. Nếu nhìn qua các thị trường Châu Á trong phiên hôm nay, các chỉ số trong khu vực đều có một giao dịch khá tương đồng là tăng mạnh lúc mở cửa, nhưng đóng cửa thu hẹp đà tăng, do tâm lý thận trọng nên đã chốt bớt dần danh mục.

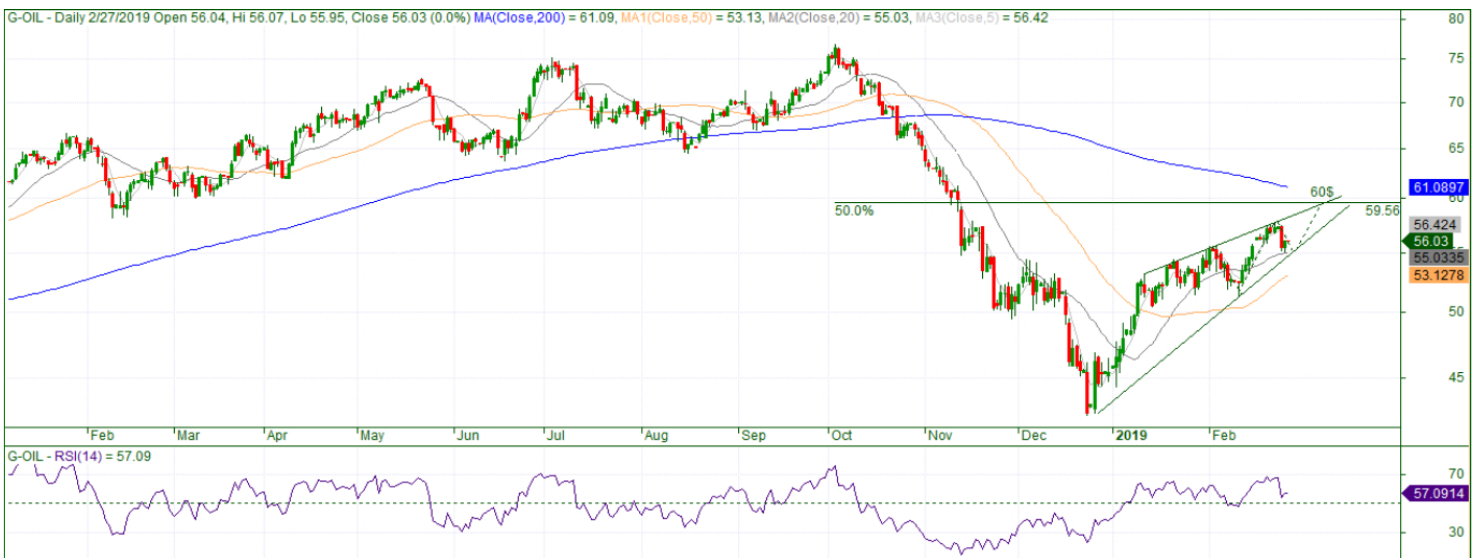
VNINDEX trong phiên hôm nay đã vượt Fibonacci 50% trong phiên. Tuy nhiên, mức đó cửa nằm dưới đường Fibonacci này, tương ứng với 989.9 điểm. Nhìn chung, nếu chưa có thông tin qua xấu diễn ra, thị trường sẽ tiếp tục giao dịch đi ngang và biên độ trong biên độ hẹp, chúng tôi nâng mục tiêu tối đa trong mức này VNINDEX có thể đạt được là khoảng 996 điểm, tương ứng mức Fibonacci 61.8%. Mặt khác, nếu VNINDEX thủng 980, thị trường sẽ rơi vào nhịp điều chỉnh như những phiên trước chúng tôi đã nhận định.

CHỈ BÁO NGẮN HẠN		CHỈ BÁO XU HƯỚNG	
RSI	Trung bình	RSI (tuần)	Trung bình
Volume	Tích cực	Bollinger Bands	Trung bình
MA(20)	Tích cực	MA(200)	Tích cực
Ichimoku (tuần)	Tích cực	Elliott ngày	Tích cực
HỖ TRỢ NGẮN HẠN		KHÁNG CỰ NGẮN HẠN	
Hỗ trợ 1: 960 điểm	Hỗ trợ 2: 940 điểm	Kháng cự 1: 1000 điểm	Kháng cự 2: 1010 điểm
HỖ TRỢ TRONG PHIÊN		KHÁNG CỰ TRONG PHIÊN	
Hỗ trợ	969 điểm	Kháng cự	996 điểm

## ĐỒ THỊ VNINDEX THAM KHẢO THÊM



## CHỈ SỐ HANG SENG



**Purchasing Managers' Index - Chỉ số PMI nhóm G20. Nguồn: [tradingeconomics.com](http://tradingeconomics.com)**

### PMI của nhóm G20 - 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Quốc gia/ Khu vực	Tháng 2/2019	Tháng 1/2019	Quốc gia/ Khu vực	Tháng 2/2019	Tháng 1/2019
Australia	54.00	52.50	Japan	48.90	50.30
Brazil	53.40	52.70	Mexico	52.60	50.90
Canada	52.60	53.00	Russia	50.10	50.90
China	49.90	48.30	Saudi Arabia	56.60	56.20
Liên Minh Châu Âu	49.30	50.50	Singapore	50.40	50.70
Pháp	51.50	51.20	Nam Phi	46.20	49.90
Đức	47.60	49.70	Hàn Quốc	47.20	48.30
Ấn Độ	54.30	53.90	Thổ Nhĩ Kỳ	46.40	44.20
Indonesia	50.10	49.90	Mỹ	53.00	54.90
Italy	47.70	47.80	Anh	52.00	52.60

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### ►► Thông báo về các đợt bán đấu giá cổ phần

Tổ chức phát hành	Tổ chức chào bán	Số lượng chào bán (cp)	Giá khởi điểm (đồng/cp)	Thời gian đăng ký và nộp tiền cọc	Thời gian nộp phiếu tham dự đấu giá	Thời gian đấu giá	Thông tin chi tiết
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng		1.500.000	30.000	25/02/2019 – 18/03/2019	15 giờ 00 phút ngày 22/03/2019	09 giờ 00 phút ngày 26/03/2019 tại HOSE	<a href="#">Click</a>
Công ty TNHH MTV Cà phê Thăng Lợi		6.256.100	21.300	04/03/2019 – 20/03/2019	15 giờ 00 phút ngày 26/03/2019	09 giờ 00 phút ngày 28/03/2019 tại HOSE	<a href="#">Click</a>
Công ty Cổ phần Truyền thông nghe nhìn Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	1.848.000 quyền mua	700 đồng/quyền mua	06/03/2019 – 21/03/2019	16 giờ 00 phút ngày 26/03/2019	08 giờ 30 phút ngày 28/03/2019 tại HNX	<a href="#">Click</a>
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Bộ Xây dựng	80.579.262	23.000	07/03/2019 – 22/03/2019	16 giờ 00 phút ngày 27/03/2019	08 giờ 30 phút ngày 29/03/2019 tại HNX	<a href="#">Click</a>
Ban quản lý nhà máy nước thị trấn Yên Thành		2.928.292	10.000	05/03/2019 – 25/03/2019	16 giờ 00 phút ngày 28/03/2019	08 giờ 30 phút ngày 01/04/2019 tại HNX	<a href="#">Click</a>
Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa	UBND tỉnh Thanh Hóa	11.050.000	12.000	08/03/2019 – 27/03/2019	16 giờ 00 phút ngày 01/04/2019	08 giờ 30 phút ngày 03/04/2019 tại HNX	<a href="#">Click</a>
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc	UBND tỉnh Lâm Đồng	162.304	15.400	13/04/2019 - 19/04/2019	16h00 ngày 10/04/2019	10h00 ngày 12/04/2019	<a href="#">Click</a>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	Ngân hàng Công thương Việt Nam	15.121.635	20.100	22/03/2019 - 11/04/2019	16 giờ 00 phút ngày 17/04/2019	08 giờ 30 phút ngày 19/04/2019 tại HNX	<a href="#">Click</a>

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Thông kê giao dịch NN trên HOSE

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
MSN	1.218.160	107.190.025
VIC	567.440	66.281.548
VNM	251.340	35.018.537
VCB	337.300	22.938.241
CTI	749.850	18.821.406

Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
HDB	-771.860	-22.541.912
VJC	-154.140	-17.717.115
POW	-905.400	-13.977.895
BID	-324.610	-11.449.441
HCM	-284.140	-7.966.935

### Thông kê giao dịch NN trên HNX

Top NN mua ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
VGC	725.400	15.170.811
DGC	18.900	795.763
ART	211.000	570.552
SHB	26.610	203.189
HMH	9.200	101.200

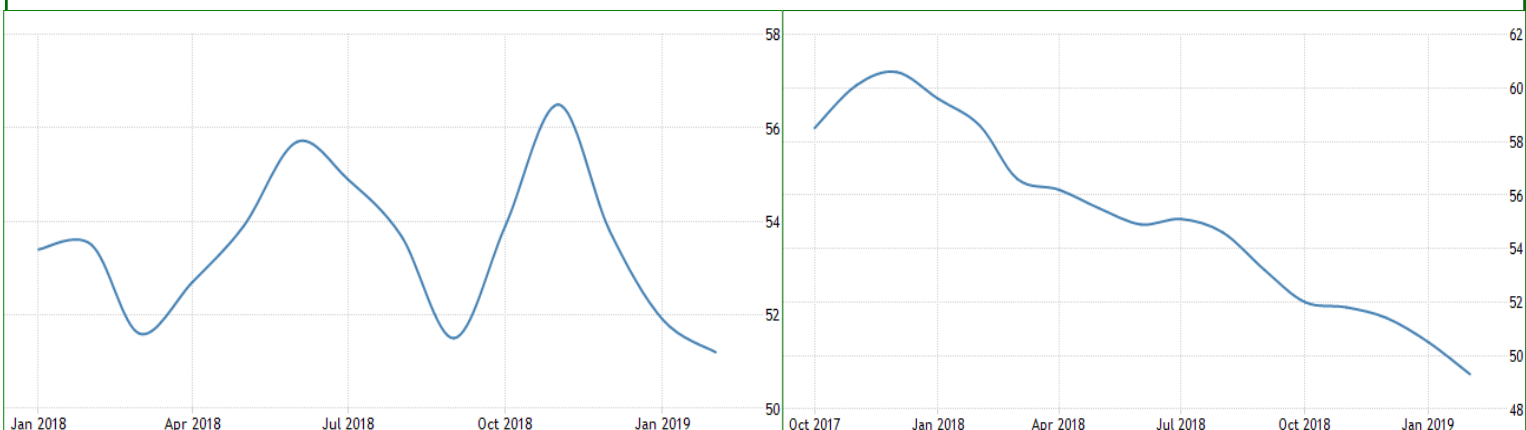
Top NN bán ròng	Volume	Giá trị (1000 VNĐ)
PVS	-280.300	-5.972.545
CEO	-310.000	-3.805.376
THB	-77.500	-767.900
PVC	-48.800	-359.340
VCG	-11.100	-300.125

### Danh sách cổ phiếu đang khuyến nghị - Chi tiết khuyến nghị tại [đây](#)

Thời gian	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 1	Mã cổ phiếu	Giá đóng cửa	Kháng cự 1	Kháng cự 2	TSSL (%)
13/02/2019	17,000	18,000	PVS	21,200	21,000	22,500	7.6
13/02/2019	80,000	85,000	GAS	101,000	103,000	115,000	10.7
11/02/2019	15,000	16,200	PVB	19,800	19,500	21,500	26.1
13/02/2019	36,000	38,000	HVN	40,900	41,000	45,000	-0.2
12/02/2019	40,000	42,000	FPT	46,000	47,000	50,000	4.8
13/02/2019	23,000	25,000	DQC	26,000	28,000	30,000	-2.1
13/02/2019	22,000	22,900	PC1	23,700	24,800	25,500	-3.7
12/02/2019	45,000	48,000	BMP	49,400	54,000	58,000	2.5
13/02/2019	25,000	28,000	DHC	35,400	34,500	37,500	18.0
12/02/2019	25,000	26,500	GMD	26,500	28,000	30,000	-3.6
06/03/2019	22,000	23,300	GEX	23,050	25,500	28,000	-4.4
11/03/2019	21,000	22,000	MBB	22,450	23,200	24,200	3.0
11/03/2019	27,100	28,500	ACB	30,300	33,600	34,600	-0.3

### PMI Việt Nam (trái) và Liên minh Châu Âu (Phải)

PMI Việt Nam vào tháng 2/2019 đạt 51.2 so với tháng trước là 51.9. Liên minh Châu Âu EU có PMI tháng 2 là 49.3 và tháng trước là 50.5. Châu Âu đang gặp nhiều vấn đề chính trị đến kinh tế đã đẩy chỉ số PMI giảm liên tục trong vòng 1 năm qua.



## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Một số điểm chính về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2019.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1/2019 ước tính tăng 6.79% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng trưởng Q1/2018 nhưng cao hơn tăng trưởng quý 1 của các năm 2011 - 2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2.68%, đóng góp 4.9% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,63%, đóng góp 51,2%; khu vực dịch vụ tăng 6,5%, đóng góp 43,9%.

Cơ cấu nền kinh tế trong quý 1: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,25%; khu vực dịch vụ chiếm 44,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,55% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 10,35%; 35,31%; 43,72%; 10,62%).

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 3/2019 ước tính tăng 27,6% so với tháng trước chủ yếu do có số ngày làm việc nhiều hơn (Tháng Hai năm nay trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán). So với cùng kỳ năm trước, IIP tháng Ba tăng 9,1%, trong đó ngành khai khoáng tăng 0,4%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,8%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 11%. Tính chung quý I/2019, IIP ước tính tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 12,7% của cùng kỳ năm 2018 nhưng vẫn cao hơn mức tăng 7,4% và 4,8% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017.

### Một số chỉ tiêu chủ yếu Q1/2019 so với Q1/2018 (% tăng/giảm)

Tổng sản phẩm trong nước	+ 6.79
Chỉ số sản xuất công nghiệp	+ 9.20
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+ 12.0
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+ 4.70
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+ 8.90
Khách quốc tế đến Việt Nam	+ 7.00
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước	+ 3.20
Chỉ số giá tiêu dùng	+ 2.63
Lạm phát cơ bản	+ 1.83

### Một số chỉ tiêu vĩ mô Q1/2019

- Tổng phương tiện thanh toán: Tăng 2.54% so với cuối 2018 (cùng kỳ 2018 tăng 3.23%);
- 1. Hoạt động ngân hàng bảo hiểm
  - Huy động vốn của các tổ chức tín dụng: Tăng 1.72% (cùng kỳ năm 2018 tăng 2.2%);
  - Tăng trưởng tín dụng đạt 1.9% (cùng kỳ năm 2018 tăng 2.23%).
  - Bảo hiểm: Doanh thu phí bảo hiểm tăng 17% (YoY); trong đó, bảo hiểm nhân thọ tăng 23%, bảo hiểm phi nhân thọ tăng 9%.
- 2. Đầu tư
  - Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý I/2019 theo giá hiện hành đạt 359,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước và bằng 32,2% GDP;
  - Tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 3 tháng đạt 5.119,8 triệu USD, tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước.
- 3. Thu chi ngân sách
  - Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2019 ước tính đạt 278,6 nghìn tỷ đồng, bằng 19,7% dự toán năm.
  - Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2019 ước tính đạt 254,5 nghìn tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán năm.
- 4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ
  - Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 58,51 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2018 và kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 57,98 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2018.
  - Cán cân thương mại hàng hóa quý I/2019 ước tính thặng dư 536 triệu USD nhưng thấp hơn nhiều so với mức 2,7 tỷ USD của cùng kỳ năm 2018.
- 5. Chỉ số giá
  - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2019 giảm 0,21% so với tháng trước, bình quân quý I/2019 CPI tăng 2,63% so với cùng kỳ năm 2018, là mức tăng bình quân quý I thấp nhất trong 3 năm gần đây,
  - Chủ yếu do tác động của quy luật tiêu dùng sau Tết Nguyên đán, ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại nhiều địa phương trên cả nước.

(Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam)

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Lợi nhuận nhóm ngành công nghiệp Trung Quốc giảm mạnh nhất kể từ năm 2011.

Theo Reuters - Lợi nhuận nhóm ngành công nghiệp của Trung Quốc giảm mạnh cho thấy những thông tin kinh tế tiêu cực liên tiếp xảy đến với nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Chính phủ sau cuộc họp đầu năm cũng đã hạ mục tiêu tăng trưởng trong năm 2019 xuống còn 6.0 - 6.5% (từ con số tăng trưởng 2018 là 6.6%)

Theo Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) - Lợi nhuận được ghi nhận bởi các công ty công nghiệp của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm đã giảm 14% so với cùng kỳ xuống còn 708 tỷ NDT (105.5 tỷ USD). Đây là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 10 năm 2011, theo dữ liệu của Reuters.

Sự chậm lại này đến từ các ngành công nghiệp chính như ô tô, chế biến dầu, thép và hóa chất; sản xuất và bán hàng cũng đang chậm lại. Cụ thể, riêng lợi nhuận lĩnh vực ô tô đã giảm 37.1 tỷ nhân dân tệ; doanh số ô tô trong tháng 2 vừa qua giảm 13.8% đánh dấu tháng giảm thứ 8 liên tiếp trên thị trường ô tô lớn nhất thế giới.

Nguyên nhân của sự sụt giảm này so với 2018 chủ yếu đến từ: (1) Kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán năm nay đến vào đầu tháng 2, (2) Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến hoạt động của các nhà máy, thu nhập, tình hình kinh doanh, sản xuất của các doanh nghiệp.

Mặt khác, Trung Quốc còn đối mặt với nhiều vấn đề khác. Diễn biến cuộc thương mại Mỹ - Trung kéo dài áp lực gia tăng lên nền kinh tế của Trung Quốc càng lớn, giả sử một thỏa thuận được thông qua trong thời gian gần thì nền kinh tế Trung Quốc cũng sẽ đối mặt với áp lực khác, đó là gốc rễ của vấn đề đến từ sự chậm lại trong nhu cầu của nền kinh tế toàn cầu. Song song với đó, những vấn đề về rủi ro nợ trong nền kinh tế, các vấn đề ô nhiễm, sẽ tiếp tục là mối lo ngại cho nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới này.

Trong thời gian qua, Bắc Kinh đang tăng cường các biện pháp hỗ trợ ngành sản xuất bằng cách cắt giảm thuế giá trị gia tăng, tăng chi tiêu cơ sở hạ tầng và giảm sự can thiệp trực tiếp của chính phủ.

Jiangsu Shagang - nhà máy sản xuất thuộc sở hữu tư nhân cho biết lợi nhuận trong Quý 1 năm nay sẽ giảm tới 68% so với năm trước. Các doanh nghiệp sản xuất Trung Quốc kỳ vọng vào các chính sách giảm thuế giá trị gia tăng sẽ giúp thúc đẩy lợi nhuận trong bối cảnh hiện nay. Đầu tháng này, Bắc Kinh đã công bố giảm thuế hàng trăm tỷ đô la, trong đó bao gồm giảm 3% thuế giá trị gia tăng cho ngành công nghiệp sản xuất. Còn theo Cục Hải Quan Trung Quốc, giảm thuế VAT sẽ giúp các nhà nhập khẩu giảm gánh nặng thuế lên đến 225 tỷ Nhân dân tệ.

*Nhìn chung, các biện pháp sẽ giúp cải thiện một phần nào đó về tình hình kinh tế Trung Quốc. Song, để có thể xem xét được tính hiệu quả của những biện pháp này, cần một khoảng thời gian ít nhất đến giữa năm 2019.*

### Ả Rập Xê Út muốn thúc đẩy giá dầu lên ít nhất 70 USD/thùng

Theo Reuters/VITIC - Bất chấp những phản nản của ông Donald Trump về việc giá dầu tăng cao, Riyadh (thủ đô của Ả Rập Xê Út), lãnh đạo OPEC cho biết sẽ tiếp tục cắt giảm sản lượng. Theo nguồn tin từ Reuters, Ả Rập Xê Út cho biết việc cắt giảm sản lượng nhằm hỗ trợ cho việc tăng giá dầu thô, cân bằng thị trường thế giới và giảm tồn kho ở mức cao. “Người Ả Rập Xê Út muốn giá dầu ít nhất ở 70 USD”, song cũng theo họ giá cả hiện nay do thị trường quyết định. Ngay cả với giá dầu 70 USD/thùng cũng sẽ không cân bằng ngân sách của Ả Rập Xê Út, để cân bằng Riyadh cho biết cần giá dầu từ 85 USD/thùng.

**Mắt thị phần:** Ả Rập Xê Út dự định giảm **sản lượng** trong tháng 3 và tháng 4/2019 xuống dưới 10 triệu thùng/ngày - thấp hơn mức 10.3 triệu thùng/ngày mục tiêu sản lượng chính thức của OPEC. Bộ trưởng Năng lượng Ả Rập Xê Út cho biết việc cắt giảm cũng không bất thường vì năm ngoái vương quốc này đã nâng sản lượng và xuất khẩu trên mục tiêu để tránh tình trạng thiếu hụt. Ả Rập Xê Út hiện cho biết đang ủng hộ việc gia hạn cắt giảm đến hết năm 2019. Nga (quốc gia không phải thành viên OPEC) cũng đang cắt giảm sản lượng cùng OPEC có thể cân bằng ngân sách với giá dầu 55 USD/thùng và chưa rõ liệu họ có chuẩn bị gia hạn khi OPEC tiến hành họp tháng 6 hay không.

Mỹ và Nga sản xuất tương ứng 12 triệu và 11 triệu thùng/ngày. Với tốc độ xuất khẩu hiện nay, Mỹ đã vượt Ả Rập Xê Út về thị phần dầu toàn cầu và là quốc gia xuất khẩu dầu lớn nhất thế giới. Với vị thế của mình, mối lo ngại của việc cắt giảm của Ả Rập Xê Út cũng sẽ chịu một phần tác động từ ông Donald Trump khi Ả Rập là đồng minh của Mỹ. Và như vậy, không có gì đảm bảo chính sách của Ả Rập sẽ không thay đổi nếu Washington gây áp lực lên Riyadh để tăng nguồn cung.

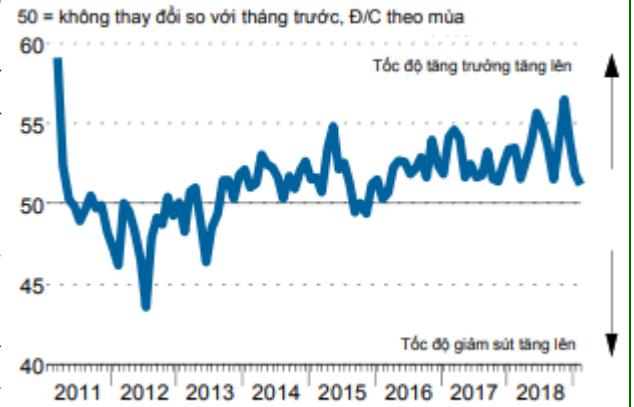
## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei: PMI đạt mức thấp nhất trong 35 tháng khi việc làm giảm.

“Chỉ số PMI của Việt Nam đã giảm từ mức 51.9 điểm trong tháng 1 xuống còn 51.2 điểm trong tháng 2. Mặc dù vẫn nằm trên ngưỡng trung bình 50 điểm, nhưng chỉ số đến nay đã giảm ba tháng liên tiếp, và kết quả của tháng 2 là thấp nhất kể từ tháng 3/2016. Trong khi cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng nhanh hơn trong tháng 2 thì chỉ số chính đã bị giảm do việc làm và tồn kho hàng hóa giảm”.

Nhu cầu trên thị trường quốc tế yếu đi đã làm lĩnh vực sản xuất Việt Nam phát triển chậm lại trong tháng 2. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng với tốc độ chậm nhất trong hơn ba năm và những dấu hiệu giảm nhu cầu đã làm các công ty giảm việc làm. Lĩnh vực sản xuất vẫn nằm trong vùng tăng trưởng, khi các nhà sản xuất Việt Nam có thể duy trì số lượng đơn đặt hàng mới tăng bất chấp những thách thức hiện nay.

### PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của Nikkei



Nguồn: Nikkei, IHS Markit

Cụ thể:

- **Việc làm** giảm lần đầu tiên kể từ tháng 3/2016 vì số lượng đơn đặt hàng mới tăng tương đối chậm trong thời gian gần đây. Mặc dù giảm lượng việc làm, nhưng lượng công việc tồn đọng vẫn giảm mạnh nhất trong 12 tháng bởi số lượng đơn hàng tăng tương đối chậm.
- **Số lượng đơn đặt hàng** mới tiếp tục tăng nhưng vẫn ở mức thấp hơn so với thời điểm cuối năm 2018. Trong khi đó, tốc độ tăng số lượng đơn hàng xuất khẩu mới đã chậm lại, đạt mức thấp nhất trong vòng 37 tháng. **Sản lượng** cũng đã tăng nhanh hơn trong tháng 2, nhưng mức tăng này vẫn thấp hơn mức trung bình của năm 2018.
- Tồn kho hàng mua đã giảm lần đầu tiên trong 11 tháng, bất kể hoạt động mua hàng tiếp tục tăng. Tồn kho thành phẩm cũng đã tăng, nhưng mức tăng yếu nhất trong 5 tháng qua.
- **Chi phí đầu vào** có mức tăng nhẹ trong tháng thứ hai liên tiếp, tốc độ tăng thấp hơn nhiều so với chỉ số. Cụ thể, với gánh nặng chi phí tăng nhẹ, các công ty vẫn không phải chịu áp lực tăng giá bán hàng. Giá cả đầu ra giảm lần thứ năm trong sáu tháng qua nằm trong nỗ lực thu hút đơn đặt hàng mới trong bối cảnh nhu cầu giảm.

Nhìn chung, theo chúng tôi tháng 2 nằm trong dịp tết và cũng là đỉnh điểm “giằng co” của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, vì vậy PMI Ngành Sản xuất tương đối thấp. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng, vào tháng 3 sắp tới PMI sẽ khả quan hơn nhờ vào cuộc chiến Mỹ - Trung trở nên bớt “xáo trộn” hơn, cùng với đó sau kỳ nghỉ Tết kéo dài đây cũng là tháng các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh trở lại.

(Nguồn: IHS Markit, Nikkei)

### PMI một số nước khu vực Đông Nam Á. Nguồn: tradingeconomics.com

#### PMI một số nước khu vực Đông Nam Á

Quốc gia	Tháng 2/2019	Tháng 1/2019	Quốc gia	Tháng 2/2019	Tháng 1/2019
Indonesia	50.10	49.9	Singapore	50.40	50.7
Malaysia	47.60	47.9	Thailand	49.90	50.2
Myanmar	53.10	51.9	<b>Vietnam</b>	<b>51.20</b>	<b>51.9</b>
Philippines	51.90	52.3			



## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### Bất động sản khu công nghiệp - Gặp nhiều thuận lợi.

#### Nguồn cung dồi dào, nhu cầu lớn:

Đối với các KCN phía Bắc, phân khúc chiếm tỷ trọng lớn là cho thuê với khách hàng là doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, LG. Theo JLL, giá cho thuê đất KCN tính đến cuối năm 2018 là khoảng 82USD/m<sup>2</sup>/thời hạn thuê dưới 50 năm. Dự báo triển vọng các KCN phía Bắc tiếp tục được hưởng lợi khi: (i) Chi phí thuê công nhân vẫn rẻ hơn so với các nước như Trung Quốc, mặt khác Việt Nam sở hữu vị trí địa lý thích hợp khi nằm trong khu vực giao thương với các nền kinh tế lớn, (ii) Chiến tranh thương mại diễn biến ngày càng phức tạp, thúc đẩy các doanh nghiệp chọn Việt Nam như một điểm đến cho việc xây dựng nhà máy, (iii) Nhu cầu mở rộng sản xuất của các tập đoàn lớn Samsung, LG; đặc biệt với sự xuất hiện của Vinfast. Tại khu vực phía Bắc, diện tích đất thương phẩm chưa cho thuê của **KBC** là 843 ha đất, **VGC** là 911 ha đất (VGC có các khu công nghiệp dàn trải hơn, sẽ gặp khó khăn hơn).

Đối với khu vực miền Nam, các doanh nghiệp thuê đất chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất công nghiệp, hóa chất. Theo JLL, nguồn cung KCN tại phía Nam cuối 2018 đón nhận thêm các thị trường BR-VT và Bình Phước, đạt tổng diện tích tại đây là 39 ha, tăng 5.4% so với nửa đầu 2018. Bình Dương và Đồng Nai vẫn là nguồn cung chính khi chiếm 56% tổng nguồn cung. Vào cuối Q4/2018, tỷ lệ lấp đầy trung bình đạt 72%, giảm do nguồn cung mới. Tuy nhiên, tỷ lệ lấp đầy chung vẫn ghi nhận mức tăng 200-600 điểm phần trăm so với nửa đầu năm 2018 cho mỗi tỉnh. Chúng tôi cho rằng, nhu cầu tiếp tục gia tăng một cách mạnh mẽ khi (i) Các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan tiếp tục dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam, theo JLL các nhà máy xây sẵn đạt tỷ lệ lấp đầy 88%, (ii) Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục tác động khi các doanh nghiệp Trung Quốc dịch chuyển sản xuất vào VN, từ đó gia tăng mạnh mẽ nhu cầu các nhà máy xây sẵn với các tiêu chuẩn kỹ thuật cao, (iii) Theo JLL, khoảng 9793 ha đất dự kiến sẽ gia nhập thị trường trong 3 năm tới, miền Nam hứa hẹn sẽ là điểm đến cho các nhà đầu tư khu công nghiệp. Một số doanh nghiệp gồm: **LHG** có KCN Long Hậu 3 vị trí thuận lợi có khả năng cho thuê với 90 ha, **NTC** với KCN Nam Tân Uyên 3 bắt đầu thi công hạ tầng vào cuối Q2/2019 với diện tích cho thuê 255 ha.

Nguồn cung	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Tổng diện tích (ha)	4,206	9,813	10,774	7,953	2,992	3,298
Diện tích đất cho thuê (ha)	2,802	6,835	7,144	4,908	2,158	2,272
Tỷ lệ lấp đầy (%)	79%	87%	94%	62%	73%	36%

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

#### Giá thuê tăng:

- Giá cho thuê đất **tăng mạnh**, ở mức trung bình 80USD/m<sup>2</sup>/chu kỳ thuê, tăng 10.7% so với Q2/2018.
- Giá thuê nhà xưởng xây sẵn **tăng nhẹ**, giá thuê trung bình ở mức 2-5 USD/m<sup>2</sup>/tháng tính đến Q4/2018.
- Giá thuê đất ở Tp.HCM trung bình 156.8 USD/m<sup>2</sup>/chu kỳ thuê, trong khi các tỉnh khác 4 - 6 USD/m<sup>2</sup>/chu kỳ thuê.

Dự báo nhu cầu thuê đất/nhà xưởng tiếp tục tăng khi làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc, Đài Loan sẽ thúc đẩy giá thuê tiếp tục tăng trong thời gian tới. Số lượng nhà kho/nhà xưởng cũng sẽ tăng mạnh mẽ hơn với các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao của các doanh nghiệp.

Hiệu suất tài sản	TP.HCM	Đồng Nai	Bình Dương	BR-VT	Tây Ninh	Bình Phước
Giá thuê đất trung bình (USD/m <sup>2</sup> /chu kỳ thuê)*	156.8	85.5	73.6	60.8	53.6	51.6
Giá thuê nhà xưởng trung bình (USD/m <sup>2</sup> /tháng)	3.6	4.5	3.8	3.5	2.7	2.2

Nguồn: Jones Lang LaSalle Vietnam (JLL), DAS tổng hợp.

\*Phí sử dụng hạ tầng và phí dịch vụ (không gồm thuế VAT) chưa bao gồm trong giá thuê trung bình.

#### Rủi ro:

- Dòng vốn FDI có thể chững lại trước những bất ổn, cũng như nhu cầu chậm lại của thế giới.
- Những thay đổi các chính sách, khó khăn trong triển khai xây dựng như chi phí đền bù tăng cao hay giải phóng mặt bằng khó khăn sẽ dẫn đến trì hoãn việc cho thuê.

## CHUYÊN MỤC CHIA SẼ KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Year	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB
2000							1.8%	3.1%	4.8%	6.4%	20.1%	2.8%	3.1%
2001	8.8%	2.7%	5.7%	9.2%	5.9%	3.8%	5.6%	3.3%	1.9%	5.5%	0.8%	8.4%	2.9%
2002	1.8%	7.9%	4.7%	4.7%	1.1%	2.4%	2.2%	3.0%	5.0%	2.5%	0.1%	3.1%	1.9%
2003	6.0%	4.5%	1.7%	4.9%	0.2%	0.0%	3.9%	2.5%	2.4%	2.2%	20.5%	1.9%	0.5%
2004	8.4%	1.1%	5.5%	4.7%	4.7%	0.9%	4.5%	2.5%	0.3%	0.3%	1.3%	4.2%	3.5%
2005	2.1%	0.4%	4.3%	0.2%	0.5%	0.8%	2.0%	1.8%	7.8%	0.7%	0.8%	0.3%	2.2%
2006	1.5%	1.2%	30.0%	30.2%	1.4%	2.6%	4.2%	3.1%	5.9%	2.7%	23.5%	9.1%	3.6%
2007	5.6%	2.2%	8.5%	5.3%	3.0%	5.0%	9.6%	2.3%	2.2%	5.5%	8.4%	6.0%	2.6%
2008	8.5%	9.6%	24.4%	1.3%	9.0%	6.6%	4.2%	2.2%	2.5%	29.7%	9.8%	4.2%	7.4%
2009	4.8%	9.5%	6.4%	1.8%	1.6%	0.8%	1.8%	3.7%	3.6%	0.2%	5.6%	1.0%	4.7%
2010	2.7%	2.7%	1.2%	7.7%	5.9%	0.6%	3.8%	9.5%	1.9%	0.6%	0.8%	7.9%	0.1%
2011	4.4%	7.1%	1.5%	4.4%	4.2%	5.5%	6.0%	2.7%	2.1%	1.4%	9.3%	8.5%	2.4%
2013	8.9%	4.5%	5.4%	2.9%	3.4%	7.4%	1.2%	4.1%	3.9%	2.6%	1.7%	1.4%	1.9%
2014	2.0%	4.4%	1.6%	3.6%	2.6%	3.6%	1.8%	7.2%	5.1%	1.8%	2.8%	6.2%	0.7%
2015	3.5%	2.3%	8.6%	3.8%	1.3%	3.3%	5.9%	8.9%	1.7%	7.8%	3.7%	0.6%	0.8%
2016	6.9%	4.9%	0.7%	3.8%	3.9%	2.5%	4.3%	2.4%	2.4%	0.9%	3.5%	1.0%	1.2%
2017	4.0%	3.8%	0.9%	1.0%	3.0%	4.5%	0.7%	0.2%	3.4%	5.0%	2.7%	2.6%	3.3%
2018	3.7%	0.8%	4.2%	0.5%	9.2%	0.9%	0.8%	5.1%	1.7%	2.5%	4.3%	2.8%	0.4%
2019	1.7%	3.1%	2.1%										2.6%
TB	5.0%	1.8%	1.6%	2.8%	1.0%	1.5%	1.7%	0.7%	0.9%	0.1%	1.9%	1.7%	1.5%

Kể từ sau khủng hoảng 2008-2009 thì các tháng như 4, 5 và 11, 12 thường có xác suất xảy ra điều chỉnh cao hơn các tháng khác. Trong đó, trung bình tháng 4 giảm giá trong các năm khoảng 2.5%/tháng, tháng 11 là khoảng 4.5% và

Year	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB
2000							-34.0%	12.7%	-6.6%	4.6%	-2.3%	-1.5%	-4.5%
2001	-5.0%	28.4%	-19.2%	0.4%	-3.3%	10.3%	-1.6%	17.8%	-12.0%	-8.0%	-0.7%	0.2%	0.6%
2002	44.8%	-28.2%	3.0%	12.7%	-9.6%	-0.3%	1.4%	2.6%	-8.9%	-2.1%	1.5%	-0.3%	1.4%
2003	3.8%	-2.3%	0.9%	0.3%	1.7%	-3.6%	-4.0%	6.9%	-6.1%	7.4%	12.1%	-11.7%	0.4%
2004	107.1%	-14.0%	-21.2%	-25.7%	4.5%	5.7%	1.3%	-6.8%	-3.5%	1.0%	20.2%	-2.5%	5.5%
2005	-87.3%	20.3%	136.1%	-65.0%	223.3%	-13.5%	38.3%	89.8%	-1.0%	80.1%	-57.9%	-36.1%	31.4%
2006	-48.6%	600.5%	-14.8%	100.4%	-10.8%	-36.7%	140.7%	-14.8%	-0.5%	-17.0%	1.0%	22.0%	60.1%
2007	97.2%	48.7%	-21.9%	-30.9%	-27.9%	30.0%	-16.0%	19.3%	92.0%	-15.1%	-20.4%	-42.0%	9.4%
2008	193.6%	-25.7%	-62.5%	10.0%	-53.5%	68.7%	76.6%	35.8%	-85.7%	207.9%	-10.9%	21.0%	48.0%
2009	-70.6%	45.4%	102.6%	12.6%	85.9%	-16.2%	-4.4%	95.0%	0.0%	-9.8%	-43.1%	82.9%	31.7%
2010	-62.3%	47.9%	34.3%	41.9%	-40.2%	32.1%	-22.2%	20.8%	-26.9%	-17.8%	100.5%	-10.3%	8.2%
2011	-37.4%	-8.9%	-18.6%	-9.7%	-9.6%	6.3%	-21.8%	52.4%	-28.0%	10.2%	-30.8%	14.1%	9.9%
2013	-4.5%	-33.8%	-27.0%	-19.6%	380.1%	-58.4%	-33.3%	-14.7%	92.9%	-36.7%	133.6%	-39.8%	28.2%
2014	10.9%	76.8%	0.1%	-57.8%	65.4%	-8.3%	-15.5%	193.8%	-19.0%	-14.0%	10.1%	-15.6%	18.9%
2015	-16.9%	-23.4%	6.8%	-26.0%	19.7%	14.8%	-27.9%	13.6%	-34.5%	8.8%	45.7%	1.0%	6.8%
2016	-8.5%	5.6%	33.0%	-27.6%	-2.7%	-12.6%	13.0%	-3.5%	0.0%	12.4%	19.5%	-21.9%	0.6%
2017	-19.1%	95.6%	10.8%	-10.6%	12.4%	-9.3%	37.4%	-20.8%	-34.1%	37.7%	30.0%	-15.4%	9.6%
2018	66.4%	-33.8%	-11.9%	-6.5%	-5.0%	-19.6%	65.6%	-23.0%	32.5%	-12.9%	-26.4%	10.8%	3.0%
2019	-21.4%	62.8%	-63.0%										-7.2%
TB	5.9%	62.3%	3.7%	1.5%	38.1%	0.3%	7.3%	37.3%	-2.0%	15.4%	8.5%	7.4%	15.5%

Tương tự, nếu xét giai đoạn sau khủng hoảng 2008-2009 tháng 1,4,6 và 12 thường có khối lượng giảm do với tháng trước đó. Đặc biệt kể từ năm 2011 trở lại đây thì gần như năm nào khối lượng tháng 4 cũng giảm mạnh so với tháng 3. Điều này cho thấy rằng, tháng 4 thường có xác suất điều chỉnh cao hơn các tháng khác và cùng với đó là thanh

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (gọi tắt là DAS) là thành viên của Tập đoàn tài chính Ngân hàng Đông Á, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. DAS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. DAS hiện là cổ đông lớn của nhiều công ty, và là chủ sở hữu của Công ty quản lý Quỹ đầu tư Đông Á. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

### Hệ thống chi nhánh

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 2 & 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP. HCM

Điện thoại: (8428) 3833 6333

Fax: (028) 3833 3891

- **Chi nhánh Sài Gòn:**

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (028) 3821 8666

Fax: (028) 3821.4891

- **Chi nhánh Hà Nội:**

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175

Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

*Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.*

*Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của DAS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.*

*Thông tin sử dụng trong báo cáo này được DAS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, DAS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.*

*Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi DAS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của DAS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.*